

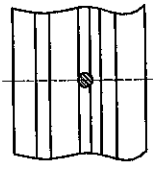
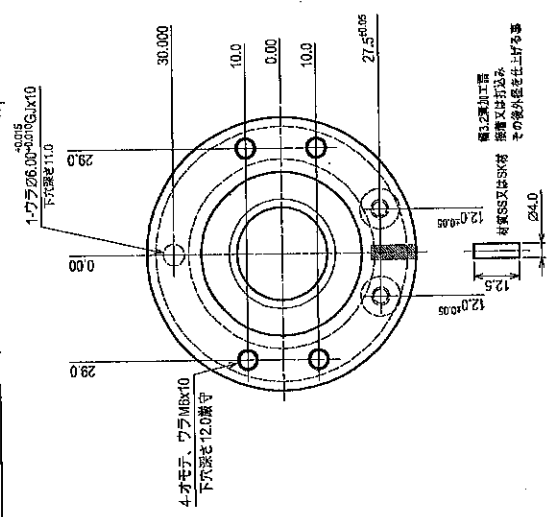
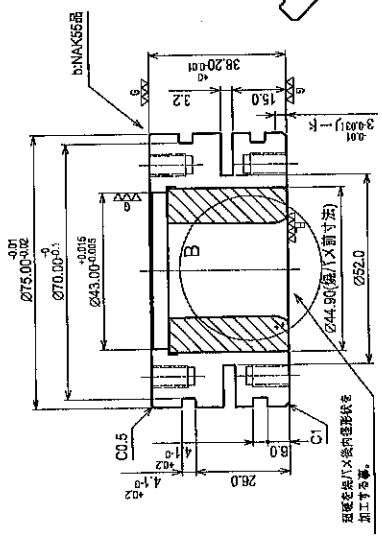
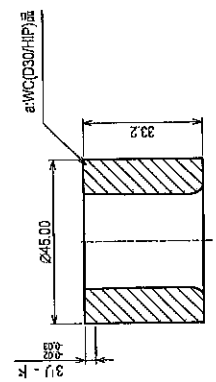
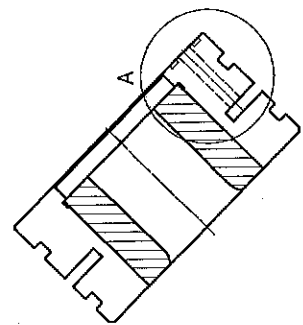
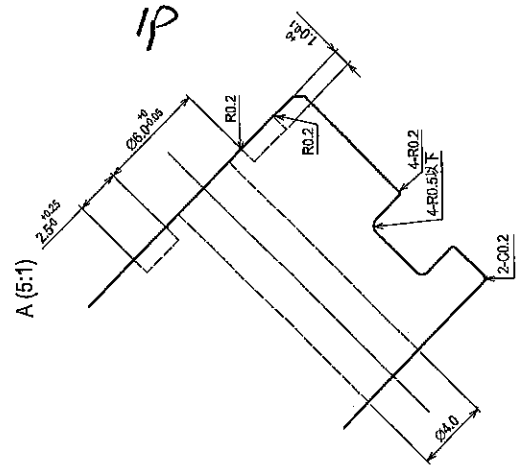
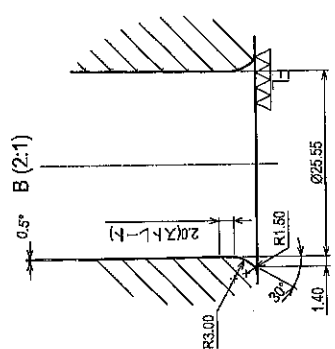
30
50
20
60
120
120
20
50
90
120
300
500
1
90
80
90.

4141030041.S856518 - GIA CONG - 31/05/2021

2

N21270088
2014 6'hang

213102174A



DWN	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
K. Hihara	Y. Takahashi	部品図		54
QUENCHED TREATMENT	SURFACE	PART DRAWING		下板
HRC		部品図		下板
MATERIAL	DATE	SCALE	DWG. NO.	
NAK55+WC(20)	2012/03/08	1:1	S856518	

④ $N_6: BTP = 0$
 NALC: T 4.3 + 8.5 / 46-35, 5886517

SNO:	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<div>1.VẬT LIỆU:</div> <div>2.THỜI GIAN GIA CÔNG</div>	